

Số: 4326 /TCHQ-KTTT  
V/v: vướng mắc chứng từ thanh toán

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2005

Kính gửi: Cục Hải quan Đồng Nai

Trả lời công văn số 601/CV-HQĐN tháng 7 năm 2005 của Cục Hải quan Đồng Nai về một số vướng mắc về chứng từ thanh toán trong quá trình xét hoàn thuế (không thu thuế), Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1) Chứng từ thanh toán của ngân hàng phục vụ doanh nghiệp xuất khẩu gửi cho doanh nghiệp phải có chữ ký, con dấu nơi phát hành và thể hiện được các nội dung chính như: Tên người thanh toán; Tên người thụ hưởng; Số tiền thanh toán và phải phù hợp với thoả thuận ghi trong hợp đồng mua bán hoặc phụ lục hợp đồng.

Trường hợp chứng từ thanh toán không có dấu và chữ ký của ngân hàng phục vụ doanh nghiệp xuất khẩu, thì doanh nghiệp phải đề nghị ngân hàng đó xác nhận về giao dịch thanh toán liên quan tới yêu cầu hoàn thuế, bao gồm các yếu tố: tên người thanh toán, tên người thụ hưởng, số tiền thanh toán, số hợp đồng xuất khẩu, kèm dấu và chữ ký của ngân hàng phục vụ doanh nghiệp xuất khẩu. Việc xác nhận có thể thực hiện bằng cách ngân hàng đó ký tên và đóng dấu trên chứng từ thanh toán của mỗi giao dịch thanh toán, hoặc ngân hàng đó ký tên và đóng dấu trên bảng liệt kê các chứng từ thanh toán giao dịch nếu có nhiều giao dịch thanh toán liên quan tới một hợp đồng yêu cầu hoàn thuế.

2) Nếu số tiền thanh toán trên chứng từ thanh toán có giá trị lớn hơn số tiền phải thanh toán như đã thoả thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng, thì doanh nghiệp phải có giải trình rõ lý do.

Trường hợp số tiền chênh lệch này là do người thanh toán không thanh toán cho từng hợp đồng mà thanh toán gộp theo tổng các đơn hàng, thanh toán theo hình thức gộp đầu.v.v (một chứng từ thanh toán có thể liên quan tới 2 hợp đồng xuất khẩu trở lên hoặc hai chứng từ thanh toán có thể chỉ liên quan tới 1 hợp đồng xuất khẩu), thì doanh nghiệp phải lập bảng kê nêu rõ số tiền trên chứng từ thanh toán cho hợp đồng nào, số tiền của từng hợp đồng.v.v. Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục thanh khoản kiểm tra tính chính xác của việc khai báo trước khi thanh khoản.

Căn cứ chứng từ thanh toán và hồ sơ đề nghị hoàn thuế do doanh nghiệp cung cấp như hướng dẫn tại Thông tư 172/1998/TT-BTC hoặc Thông tư 87/2004/TT-BTC ngày 31/8/2004, cơ quan hải quan thực hiện hoàn thuế theo kê khai của doanh nghiệp, đồng thời phối hợp với Cục Thuế nơi doanh nghiệp đóng trụ sở để kiểm tra toàn bộ chứng từ, sổ sách kế toán, quá trình nhập khẩu nguyên liệu, xuất kho nguyên liệu đưa vào sản xuất và xuất kho sản phẩm xuất khẩu đối với những trường hợp phát hiện việc khai báo của doanh nghiệp không đúng và thực hiện truy thu đủ thuế, phạt theo đúng quy định hiện hành.

3) Trường hợp chứng từ thanh toán không đúng tên ngân hàng phải thanh toán đã thoả thuận trên hợp đồng nhưng nội dung chứng từ thể hiện rõ tên người thanh toán, tên người thụ hưởng, số hợp đồng xuất khẩu, giá trị thanh toán phù hợp với hợp đồng xuất

khẩu đã được ký kết thì chấp nhận là chứng từ hợp lệ để xem xét hoàn thuế (không thu thuế).

4) Hiện tại Ngân hàng Nhà nước không quy định mức phí chuyển tiền chung cho các ngân hàng, vì vậy mỗi ngân hàng sẽ tự xây dựng mức phí chuyển tiền áp dụng riêng cho từng ngân hàng.

5) Trường hợp tên người thanh toán trên chứng từ không phù hợp với tên người phải thanh toán như đã thoả thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (ví dụ: tên người thanh toán ghi trên chứng từ không phải là người mua hàng mà là bên môi giới hoặc một bên khác không tham gia vào hoạt động mua bán- thanh toán qua bên thứ ba), thì việc thanh toán qua bên thứ ba này phải được thể hiện rõ trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng mua bán. Nếu hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng mua bán không thể hiện việc thanh toán qua bên thứ ba, doanh nghiệp phải xuất trình thông báo bằng văn bản của người mua nước ngoài về việc bên thứ 3 sẽ thanh toán hộ cho lô hàng xuất khẩu đó. Doanh nghiệp phải có cam kết bằng văn bản về việc khai báo.

Căn cứ chứng từ thanh toán và hồ sơ đề nghị hoàn thuế do doanh nghiệp cung cấp như hướng dẫn tại Thông tư 172/1998/TT-BTC hoặc Thông tư 87/2004/TT-BTC ngày 31/8/2004, cơ quan hải quan thực hiện hoàn thuế theo kê khai của doanh nghiệp. Trường hợp không đúng như kê khai, cơ quan hải quan sẽ truy thu lại số thuế đã hoàn đồng thời xử phạt theo quy định.

6) Trường hợp số tiền thanh toán trên chứng từ thanh toán không phù hợp với số tiền phải thanh toán như đã thoả thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng do trừ phí ngân hàng, thì số phí này phải thể hiện trên chứng từ. Trường hợp trên chứng từ không ghi rõ phí ngân hàng, thì doanh nghiệp phải đề nghị ngân hàng hàng phát hành chứng từ có xác nhận về số tiền phí ngân hàng đã thực thu của doanh nghiệp.

7) Đối với trường hợp thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5957 TC/TCT ngày 9/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thanh toán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu bằng hàng.

8) Đối với các vướng mắc khác về chứng từ Tổng cục Hải quan sẽ nghiên cứu xin ý kiến của Ngân hàng Nhà nước. Trong khi chưa có hướng dẫn cụ thể, đề nghị Cục Hải quan Đồng Nai thực hiện theo quy định hiện hành.

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan Đồng Nai biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT(2), KTTT (3)



Đặng Thị Bình An